

Chuyên đề
LẬP DỰ TOÁN NGÂN SÁCH
NHÀ NƯỚC

1. CÁC VĂN BẢN QPPL VỀ LẬP DỰ TOÁN NSNN

Luật NSNN

- Chương I gồm 3 Điều, từ Điều 7 đến Điều 9 và Chương IV gồm 8 Điều, từ Điều 41 đến Điều 48

Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ

- Chương III gồm 9 Điều, từ Điều 22 đến Điều 28

Thông tư 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính

- Chương III gồm 3 Điều, từ Điều 10 đến Điều 12

2. CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN

Ngân sách nhà nước

- Theo Luật NSNN 2015: NSNN là toàn bộ các khoản thu, chi của Nhà nước được dự toán và thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định để bảo đảm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước.

Kế hoạch ngân sách

- Là bản kế hoạch dự báo và tính toán các khoản thu, chi NSNN trong một khoảng thời gian xác định ở tương lai
- Các loại kế hoạch ngân sách (Điều 3, Nghị định 45/2017/NĐ-CP)
 - Kế hoạch tài chính 5 năm là kế hoạch tài chính được lập trong thời hạn 05 năm cùng với kế hoạch phát triển KT-XH 05 năm.
 - Kế hoạch tài chính – NSNN 03 năm là kế hoạch tài chính – NSNN được lập hằng năm theo phương thức cuốn chiếu cho thời gian 03 năm.
 - Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm của các bộ, cơ quan trung ương và cơ quan, đơn vị ở cấp tỉnh: là kế hoạch tài chính – NSNN do các bộ, cơ quan trung ương, các cơ quan, đơn vị ở cấp tỉnh lập hằng năm theo phương thức cuốn chiếu cho thời gian 03 năm.

Lập dự toán ngân sách

- Lập dự toán NSNN là quá trình xây dựng và quyết định dự toán thu, chi NSNN trong thời hạn nhất định (thường là 01 năm).

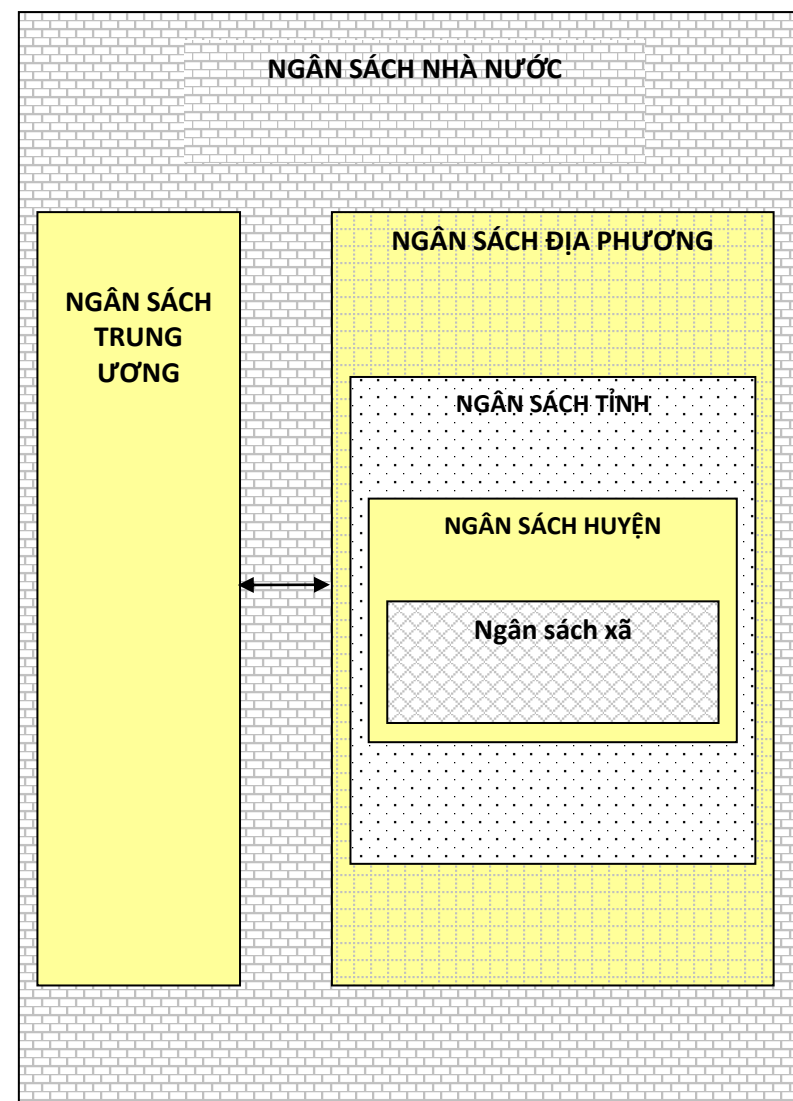
Quy trình ngân sách

- Là toàn bộ các hoạt động ngân sách được sắp xếp theo một trình tự nhất định và được lặp đi lặp lại hàng năm.
- Các hoạt động trong một quy trình ngân sách bao gồm: (i) Lập dự toán ngân sách; (ii) Phê duyệt và giao dự toán NSNN; (iii) Chấp hành/thực hiện NSNN; (vi) Quyết toán NSNN.

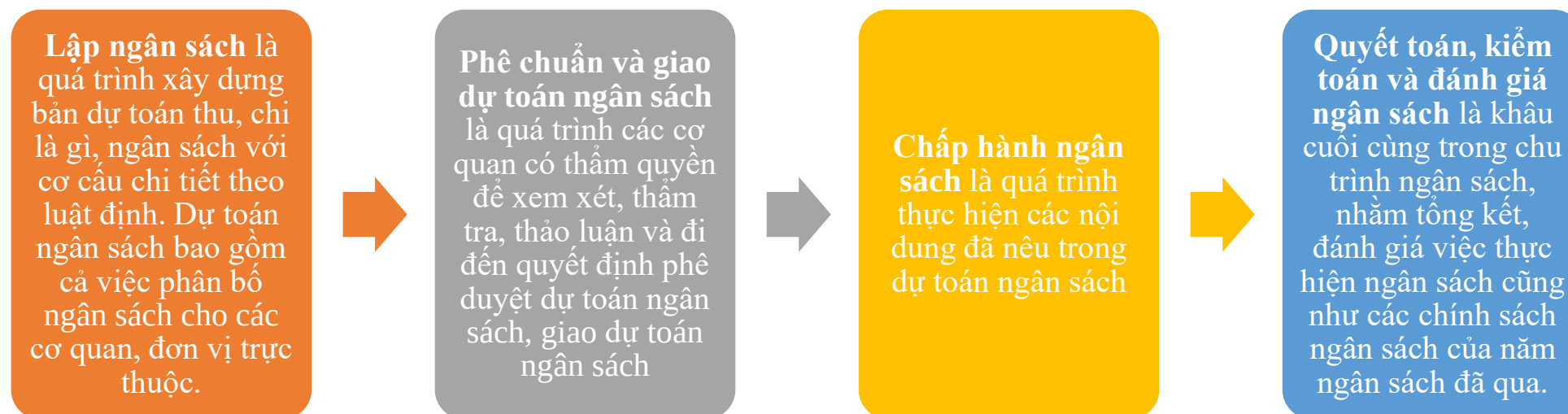
3. HỆ THỐNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Luật NSNN năm 2015 (Điều 6) quy định về hệ thống ngân sách: "*Ngân sách nhà nước gồm ngân sách trung ương và ngân sách địa phương. Ngân sách địa phương gồm ngân sách của các cấp chính quyền địa phương*". Căn cứ quy định của Hiến pháp, Luật NSNN và với quy định của Luật tổ chức chính quyền địa phương, Nghị định 163/2016/NĐ-CP quy định hệ thống NSNN hiện nay gồm có 04 cấp:

- NSTW;
- Ngân sách tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, bao gồm ngân sách cấp tỉnh và ngân sách của các huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương;
- Ngân sách huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương, bao gồm ngân sách cấp huyện và ngân sách của các xã, phường, thị trấn;
- Ngân sách các xã, phường, thị trấn.



4. CÁC BƯỚC CƠ BẢN TRONG QUY TRÌNH NGÂN SÁCH



5. NỘI DUNG CỤ THỂ

5.1. Căn cứ và yêu cầu lập dự toán NSNN

5.2. Quy trình, nội dung, t.gian lập dự toán NSNN

5.3. Thảo luận dự toán NSNN

5.4. Quyết định và giao dự toán NSNN

5.5. Lập lại dự toán NSNN

5.6. Lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính-NSNN 03 năm

5.1. CĂN CỨ LẬP DỰ TOÁN NGÂN SÁCH HÀNG NĂM (Điều 41 Luật NSNN)

Theo Điều 41, Luật NSNN năm 2015, căn cứ lập dự toán NSNN hàng năm gồm:

1. Nhiệm vụ phát triển KT-XH và bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại, bình đẳng giới.

2. Nhiệm vụ cụ thể của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức khác TW, các cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương.

3. Quy định của pháp luật về thuế, phí, lệ phí và chế độ thu NSNN; định mức phân bổ ngân sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi NSNN.

4. Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia đối với các khoản thu phân chia và mức bổ sung cân đối ngân sách của ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới.

5. Văn bản pháp luật của các cấp, cơ quan nhà nước có thẩm quyền hướng dẫn xây dựng kế hoạch phát triển KT-XH và dự toán NSNN năm sau.

6. Kế hoạch tài chính 05 năm, kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm, kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSNN.

7. Tình hình thực hiện NSNN năm trước.

8. Số kiểm tra dự toán thu, chi ngân sách thông báo cho các cấp, các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan.



NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KT-XH VÀ BẢO ĐẢM QUỐC PHÒNG, AN NINH

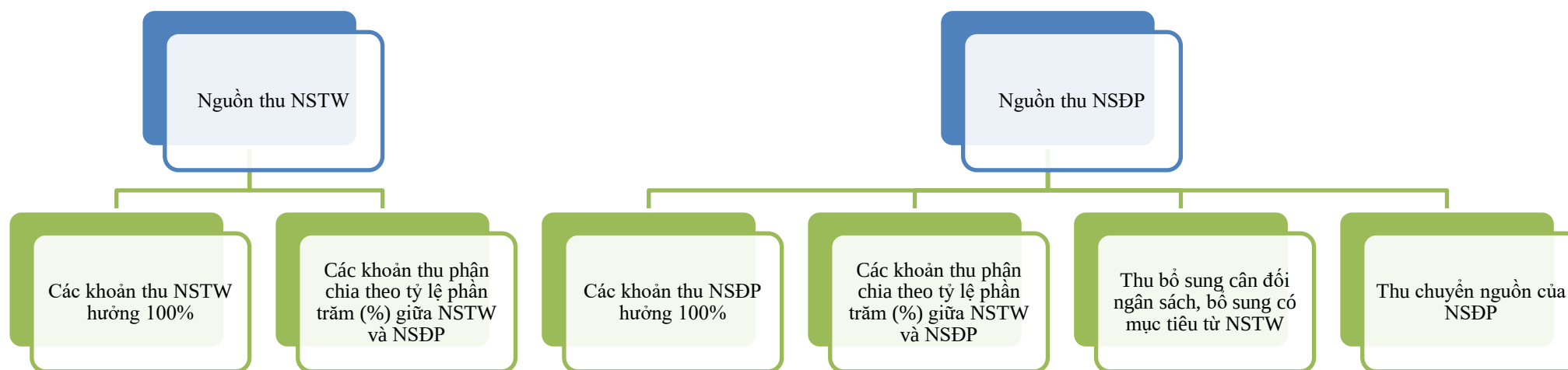
Mỗi vùng có điều kiện tự nhiên cũng như điều kiện về KT-XH khác nhau

Để có thể lập được dự toán ngân sách phù hợp với điều kiện từng vùng cụ thể, các cơ quan có thẩm quyền phải thông báo đối với từng bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, từng địa phương và đơn vị những điều kiện cụ thể, chi tiết của vùng mình

Đưa ra các chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể của năm kế hoạch và những chỉ tiêu phản ánh quy mô nhiệm vụ, đặc điểm hoạt động, điều kiện KT-XH và tự nhiên của từng vùng để xây dựng dự toán ngân sách



PHÂN CẤP NGUỒN THU NGÂN SÁCH GIỮA TW VÀ ĐP



PHÂN CẤP NGUỒN THU NGÂN SÁCH GIỮA TW VÀ ĐP

Nguồn thu TW hưởng 100%	Nguồn thu phân chia giữa TW với ĐP	Nguồn thu ĐP 100%
a) Thuế GTGT thu từ hàng hóa NK; b) Thuế XK, thuế NK; c) Thuế TTĐB thu từ hàng hóa NK; d) Thuế BVMT thu từ hàng hóa NK; đ) Thuế TN, thuế TNDN, lãi được chia và các khoản thu khác từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí; e) Viện trợ g) Phí thu từ các hoạt động dịch vụ; h) Lệ phí; i) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính; k) Thu từ bán TSNN; l) Thu từ tài sản thuộc sở hữu của Nhà nước; m) Các khoản thu hồi vốn của NSTW đầu tư tại các tổ chức kinh tế; chênh lệch thu lớn hơn chi của NHNN; n) Thu từ quỹ dự trữ tài chính TW; o) Thu kết dư NSTW; p) Thu chuyển nguồn; q) Các khoản thu khác.	a) Thuế GTGT (trừ thuế GTGT hàng NK); b) Thuế TNDN (trừ phần NSTW hưởng 100%); c) Thuế TNCN; d) Thuế TTĐB (trừ thuế TTĐB hàng NK); đ) Thuế BVMT (trừ thuế BVMT hàng NK) 	a) Thuế TN, trừ thuế TN thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí; b) Thuế môn bài; c) Thuế sử dụng đất NN; d) Thuế sử dụng đất phi NN; đ) Tiền sử dụng đất; e) Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước; g) Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc SHNN; h) Lệ phí trước bạ; i) Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết; k) Các khoản thu hồi vốn của NSĐP đầu tư tại các tổ chức kinh tế; l) Thu từ quỹ DTTC địa phương; m) Thu từ bán TSNN; n) Viện trợ; o) Phí thu từ các hoạt động dịch vụ địa phương; p) Lệ phí; q) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác; r) Thu từ tài sản thuộc ĐP quản lý; s) Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác; t) Huy động từ đóng góp; u) Thu kết dư NSĐP; v) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật

TỶ LỆ PHÂN CHIA (%) ĐỐI VỚI CÁC SẮC THUẾ PHÂN CHIA NGUỒN THU GIỮA TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG MỘT SỐ TỈNH/THÀNH PHỐ

TT	Tỉnh/thành phố	2011-2016	2017-2021	2022-2025
1	HÀ NỘI	42	35	32
2	HẢI PHÒNG	88	78	70
3	QUẢNG NINH	70	65	56
4	VĨNH PHÚC	60	53	62
5	BẮC NINH	93	83	74
6	ĐÀ NẴNG	85	68	91
7	KHÁNH HÒA	77	72	98
8	QUẢNG NGÃI	61	88	97
9	TP. HỒ CHÍ MINH	23	18	21
10	ĐỒNG NAI	51	47	45
11	BÌNH DƯƠNG	40	36	36
12	BÀ RỊA - VŨNG TÀU	44	64	56
13	CẦN THƠ	91	91	98
14	HẢI DƯƠNG	100	98	98
15	HƯNG YÊN	100	93	98
16	QUẢNG NAM	100	90	86
17	HÀ NAM	100	100	91
18	NINH BÌNH	100	100	91



PHÂN CẤP NHIỆM VỤ CHI GIỮA TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG

Nhiệm vụ chi của NSTW	Nhiệm vụ chi của NSDP
1. Chi đầu tư phát triển 2. Chi dự trữ quốc gia 3. Chi thường xuyên của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương được phân cấp trong các lĩnh vực 4. Chi trả nợ lãi các khoản tiền do Chính phủ vay 5. Chi viện trợ 6. Chi cho vay theo quy định của pháp luật 7. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính trung ương 8. Chi chuyển nguồn NSTW sang năm sau 9. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho NSDP	1. Chi ĐTPT 2. Chi thường xuyên 3. Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay. 4. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương. 5. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách địa phương. 6. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới. 7. Chi hỗ trợ



ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ NGÂN SÁCH GIỮA TW VỚI ĐP

Định mức phân bổ ngân sách (ĐMPBNS) là căn cứ để xây dựng và phân bổ ngân sách cho các cơ quan Trung ương và các địa phương

Cấp TW:

- Bộ Tài chính xây dựng nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi thường xuyên của NSNN, Bộ KH&ĐT xây dựng nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ VĐT phát triển trình Chính phủ, TTgCP
- Chính phủ trình UBTVQH ra Nghị quyết.
- TTgCP quyết định ĐMPBNS trên cơ sở quyết nghị của UBTVQH và đề nghị của BTC, Bộ KH&ĐT

Cấp ĐP:

- Căn cứ ĐMPBNS giữa TW và ĐP, Sở TC, Sở KH&ĐT là cơ quan tham mưu xây dựng ĐMPBNS ĐP trình UBND, UBND trình HĐND
- HĐND cấp tỉnh quyết định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách ở địa phương

ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ NGÂN SÁCH CHI THƯỜNG XUYÊN

Hiện nay, ĐMPBNS chi thường xuyên quy định tại Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01/9/2021 và Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10/10/2021. Trong đó:

ĐMPBNS cho các bộ, cơ quan TW được quy định cho lĩnh vực:

- Quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể với tiêu chí chung là *biên chế*. Định mức phân bổ được xác định theo nhóm biên chế. Cụ thể: 70 triệu đồng/biên chế (đối với nhóm từ 100 biên chế trở xuống); 65 triệu đồng/biên chế (101-500 biên chế); 61 triệu đồng/biên chế (501-1.000 biên chế); 57 triệu đồng/biên chế (từ 1.001 biên chế trở lên). Nhiệm vụ không thường xuyên và đặc thù áp dụng theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.
- Lĩnh vực sự nghiệp: theo chức năng, nhiệm vụ và mức độ tự chủ của ĐVSN.
- Quốc phòng, an ninh: theo nhiệm vụ đảm bảo quốc phòng, an ninh và các chế độ chính sách

ĐMPBNS chi thường xuyên cho các địa phương:

- Tiêu chí chung là **dân số** và phân theo **4 vùng** (vùng ĐBK, vùng khó khăn, vùng đô thị, vùng khác còn lại) và **người thuộc hộ gia đình nghèo**.
- Quy định ĐMPBNS chi thường xuyên cho **13 lĩnh vực** (giáo dục; dạy nghề; y tế, dân số và gia đình; quản lý hành chính; văn hóa thể thao; phát triển, truyền hình, thông tin; đảm bảo xã hội, quốc phòng, an ninh, KHCN, sự nghiệp kinh tế, BVMT và chi khác của NSDP).
- Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khó khăn hoặc có dân số thấp, được phân bổ thêm theo tỷ lệ phần trăm (%) số chi tính theo định mức dân số **(1)**
- Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có cơ chế chính sách đặc thù hoặc có tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương, được phân bổ thêm theo tỷ lệ phần trăm (%) số chi tính theo định mức dân số. **(2)**



ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ NGÂN SÁCH ĐẦU TƯ

ĐMPBNS vốn ĐTC quy định tại Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 và Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020.
Trong đó:

Quy định **13 ngành, lĩnh vực** sử dụng vốn ĐTC nguồn NSNN gồm: QP; AN và trật tự an toàn XH; GDĐT và GD nghề nghiệp; KH-CN; y tế, dân số và gia đình; VH-TT; Phát thanh, truyền hình, thông tấn; Thể dục TT, BVMT; Các hoạt động kinh tế; Hoạt động của các cơ quan QLNN, ĐVSN công lập, tổ chức CT và các tổ chức CT-XH; XH; và các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật.



ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ NGÂN SÁCH GIỮA TW VỚI ĐP

Giai đoạn	Định mức phân bổ chi thường xuyên	Định mức phân bổ chi đầu tư
- Năm 2022 (đối với chi TX) - Giai đoạn 2021-2025 (đối với chi ĐT)	Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01/9/2021 quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN 2022	Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSNN giai đoạn 2021-2025
	Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10/10/2021	Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020
GD 2017-2021 (đối với chi TX)	Nghị quyết số 266/2016/UBTVQH14 ngày 04/10/2016	Nghị quyết số 1023/NQ-UBTVQH13 ngày 28/8/2015
GD 2016-2020 (đối với chi ĐT)	Quyết định số 46/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016	Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ĐTPT nguồn NSNN giai đoạn 2016-2020
2011-2015	Quyết định số 59/2010/QĐ-TTg ngày 30/9/2010	Quyết định số 60/2010/QĐ-TTg ngày 30/9/2010
2007-2010	Quyết định số 151/2006/QĐ-TTg ngày 29/6/2006	Quyết định số 210/2006/QĐ-TTg ngày 12/9/2006
2004-2006	Quyết định số 139/2003/QĐ-TTg ngày 11/7/2003	



KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH 05 NĂM VÀ TÀI CHÍNH – NSNN 03 NĂM

(Điều 17, 48 Luật NSNN)

Kế hoạch tài chính 05 năm (Điều 17)

- Được lập trong thời hạn 05 năm cùng với kế hoạch phát triển KT-XH 05 năm; gồm: kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia và kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố trực thuộc TW.
- Sử dụng để thực hiện các mục tiêu phát triển KT-XH; cân đối, sử dụng có hiệu quả nguồn lực tài chính công; Làm cơ sở để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSNN; Định hướng cho công tác lập dự toán NSNN hằng năm, kế hoạch tài chính – NSNN 03 năm.
- Bộ Tài chính xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia trình CP báo cáo Quốc hội; Sở Tài chính xây dựng kế hoạch tài chính 05 địa phương trình UBND báo cáo HĐND.

Kế hoạch tài chính – NSNN 03 năm (Điều 43)

- Được lập hằng năm cho thời gian 03 năm, trên cơ sở kế hoạch tài chính 05 năm; gồm kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm quốc gia và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Nội dung gồm dự báo các chỉ tiêu KT vĩ mô, dự báo về số thu, chi và cơ cấu thu, chi; dự báo bội chi NSNN; xác định nguyên tắc cân đối và thứ tự ưu tiên phân bổ NSNN...
- Các bộ, cơ quan TW và các cơ quan, đơn vị ở cấp tỉnh lập kế hoạch tài chính – NSNN 03 năm của mình.
- Bộ Tài chính xây dựng kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm quốc gia trình CP báo cáo Quốc hội; Sở Tài chính xây dựng kế hoạch tài chính – NSNN 03 năm địa phương trình UBND báo cáo HĐND.



5.1. YÊU CẦU LẬP DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC HÀNG NĂM (Điều 42 Luật NSNN)

1. Dự toán NSNN phải tổng hợp theo từng khoản thu, chi và theo cơ cấu chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên, chi dự trữ quốc gia, chi trả nợ và viện trợ, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính, dự phòng ngân sách.

2. Dự toán NS của đơn vị dự toán NS các cấp được lập phải thể hiện đầy đủ các khoản thu, chi theo đúng biểu mẫu, thời hạn do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định. Trong đó:

- Dự toán thu NS được lập trên cơ sở dự báo các chỉ tiêu KTVM, các chính sách thu
- Dự toán chi ĐTPT được lập trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; kế hoạch tài chính 05 năm, kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSNN, khả năng cân đối các nguồn lực trong năm dự toán, quy định của pháp luật về đầu tư công...
- Dự toán chi thường xuyên được lập trên cơ sở các nhiệm vụ được giao, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi.
- Dự toán chi NSNN đối với các lĩnh vực đảm bảo tỷ lệ theo quy định của pháp luật như 20% NSNN cho GDĐT và dạy nghề; 2% NSNN cho KH&CN; 1,8% NSNN cho văn hoá, thông tin; trên 1% NSNN cho sự nghiệp môi trường,...
- Dự toán chi thực hiện các CTMTQG được lập căn cứ vào danh mục các chương trình, tổng mức kinh phí thực hiện CTMTQG trong từng giai đoạn do Quốc hội quyết định, mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ và chi tiết các dự án thành phần đối với từng CTMTQG
- Dự toán chi trả nợ được lập trên cơ sở bảo đảm trả các khoản nợ đến hạn của năm dự toán ngân sách
- Dự toán vay bù đắp bội chi ngân sách nhà nước phải căn cứ vào cân đối ngân sách nhà nước, khả năng từng nguồn vay, khả năng trả nợ và trong giới hạn an toàn về nợ theo nghị quyết của Quốc hội.

5.2. QUY TRÌNH, NỘI DUNG, THỜI GIAN LẬP DỰ TOÁN NSNN

5.2.1. Thời gian hướng dẫn lập, tổng hợp dự toán NSNN (*khoản 1 đến khoản 4 Điều 22 Nghị định 163; Điều 10 Thông tư 342*)

Trước ngày 15/5, Thủ tướng Chính phủ

- Ban hành quy định về xây dựng kế hoạch phát triển KT-XH, dự toán NSNN năm sau.

Trước ngày 01/6, Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- Ban hành thông tư hướng dẫn về xây dựng kế hoạch phát triển KT-XH, kế hoạch ĐTPT năm sau;
- Thông báo số kiểm tra về dự toán chi ĐTPT; số kiểm tra dự toán chi ĐTPT của từng CTMTQG, CTMT.

Trước ngày 01/6, Bộ Tài chính

- Ban hành Thông tư hướng dẫn xây dựng dự toán NSNN năm sau;
- Thông báo số kiểm tra dự toán NSNN với tổng mức và từng khoản thu, chi theo từng lĩnh vực chi ngân sách năm sau cho các bộ, cơ quan TW;
- Thông báo số kiểm tra dự toán chi TX theo từng lĩnh vực của từng CTMTQG, CTMT cho cơ quan quản lý chương trình;
- Thông báo số kiểm tra dự toán tổng số thu NSNN trên địa bàn, tổng chi NSĐP và một số lĩnh vực chi quan trọng đến từng tỉnh, thành phố trực thuộc TW.

Trước ngày 15/6

- Các bộ, cơ quan TW hướng dẫn và thông báo số kiểm tra dự toán ngân sách năm sau đến từng cơ quan, đơn vị trực thuộc.
- UBND cấp tỉnh hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm sau ở địa phương cho phù hợp; thông báo số kiểm tra dự toán thu, chi ngân sách năm sau đến từng cơ quan, đơn vị trực thuộc và UBND cấp huyện; UBND cấp huyện hướng dẫn tương tự.

- Tổng hợp, lập phương án phân bổ chi tiết dự toán chi ĐTPT của NSTW (gồm cả dự toán chi ĐTPT của các CTMTQG, CTMT) gửi Bộ Tài chính trước 31/8

Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Bộ Tài chính

- Tổng hợp và lập dự toán NSNN, phương án phân bổ NSTW năm sau báo cáo Chính phủ đề trình UBTVQH cho ý kiến trước 20/9.

Chính phủ

**Các cơ quan quốc hội
(UBTVQH cho ý kiến trước 30/9)**

Quốc hội

Tiếp thu ý kiến và hoàn thiện các báo cáo trình Chính phủ gửi ĐBQH

5.2.2. LẬP DỰ TOÁN TẠI CÁC CƠ QUAN THU

(khoản 1 Điều 45 Luật NSNN; Điều 24 ND 163; khoản 3,4 Điều 11 TT342)

Cục Thuế

- Lập dự toán thu NSNN trên địa bàn, số hoàn thuế GTGT gửi Tổng cục Thuế, UBND cấp tỉnh, Sở Tài chính, Sở KH&ĐT;
- Hướng dẫn cơ quan thuế trực thuộc lập dự toán thu NSNN trên địa bàn gửi UBND, cơ quan tài chính và KH&ĐT.

Cục Hải quan

- Lập dự toán chi tiết các khoản thu từ hoạt động XNK (thuế XK, NK; TTĐB, GTGT, BVMT hàng nhập khẩu, các khoản thu khác) theo địa bàn từng tỉnh, thành phố trực thuộc TW gửi Tổng cục Hải quan và UBND cấp tỉnh, Sở Tài chính, Sở KH&ĐT.

Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thu phí, lệ phí

- Lập dự toán thu chi tiết tổng số thu, số nộp NSNN, số được khấu trừ và trích lại theo quy định, số phân bổ cho từng lĩnh vực chi từng loại phí, lệ phí, gửi cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp tổng hợp.

5.2.3. LẬP DỰ TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (Điều 25 ND 163; khoản 6 Điều 11 TT342)



Ngân sách địa phương

- Hằng năm, UBND các cấp lập dự toán thu NSNN trên địa bàn (cấp huyện và cấp xã lập dự toán thu NSNN đối với những khoản thu được phân cấp quản lý), dự toán thu, chi NSĐP (đối với cấp tỉnh và cấp huyện gồm ngân sách cấp mình và ngân sách các cấp dưới).
- Cơ quan tài chính các cấp ở địa phương xem xét dự toán ngân sách của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cùng cấp, dự toán NSĐP cấp dưới; chủ trì phối hợp với cơ quan liên quan trong việc tổng hợp, lập dự toán NSĐP, phương án phân bổ ngân sách cấp mình báo cáo UBND cùng cấp.

5.2.3. LẬP DỰ TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (tiếp)

➤ Bội chi ngân sách địa phương

Ngân sách cấp tỉnh được phép bội chi

Bội chi NSĐP chỉ sử dụng để đầu tư các dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn được HĐND cấp tỉnh quyết định

Bội chi NSĐP được tổng hợp vào bội chi NSNN và do Quốc hội quyết định

5.2.3. LẬP DỰ TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (tiếp)

- Dự toán bội chi NSDP;
- Dự kiến tổng mức vay trong năm (bao gồm vay bù đắp bội chi và vay để trả nợ gốc);
- Nguồn vốn vay (nguồn phát hành TPCQ địa phương, vay từ nguồn Chính phủ vay về cho địa phương vay lại theo cam kết giải ngân, vay từ các nguồn trong nước khác);
- Chi phí vay (lãi suất, phí và chi phí khác có liên quan);
- Nhu cầu chi trả nợ đến hạn phát sinh trong năm dự toán (bao gồm trả nợ gốc, nợ lãi, phí và chi phí khác có liên quan) và dự kiến nguồn trả nợ (bội thu; kết dư ngân sách; tăng thu, tiết kiệm chi và số vay để trả nợ gốc - nếu có);
- Dư nợ vốn vay của địa phương đến 31/12 năm trước và năm dự toán (không vượt mức quy định tại khoản 6 Điều 7 Luật NSNN và khoản 6 Điều 4 Nghị định 163);
- Các tài liệu khác nhằm thuyết minh rõ phương án vay vốn.

**UBND cấp tỉnh
lập dự toán bội
chi NSDP và
phương án vay,
trả nợ**

5.3. THẢO LUẬN DỰ TOÁN NSNN (*khoản 1,2,3 Điều 46 Luật NSNN*)

**Các Bộ, cơ quan TW;
các cơ quan, đơn vị ở DP**

Thảo luận với các cơ quan,
đơn vị trực thuộc

**Trường hợp còn có ý kiến
khác nhau thì cơ quan tài
chính ở địa phương báo cáo
UBND cùng cấp quyết định,
Bộ Tài chính báo cáo Thủ
tướng Chính phủ quyết định**

Cơ quan tài chính các cấp

- ❖ Thảo luận về dự toán NSNN với các cơ quan, đơn vị cùng cấp;
- ❖ Thảo luận về dự toán ngân sách năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách với UBND cấp dưới trực tiếp để xác định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu phân chia, số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới.
- ❖ Đối với các năm tiếp theo của thời kỳ ổn định ngân sách, cơ quan tài chính tổ chức làm việc với UBND cấp dưới trực tiếp khi UBND cấp đó đề nghị.

5.4. QUYẾT ĐỊNH VÀ GIAO DỰ TOÁN NSNN (Điều 44 Luật NSNN, Điều 22, 29 ND 163)

Quốc hội quyết định dự toán NSNN, phương án phân bổ NSTW **trước 15/11**



Thủ tướng Chính phủ giao dự toán thu, chi NSNN cho từng bộ, cơ quan TW; dự toán thu, chi, tổng mức vay để bù đắp bội chi và trả nợ gốc của từng địa phương, tỷ lệ % phân chia các khoản thu phân chia giữa NSTW và NSDP và mức bổ sung cân đối ngân sách, mức bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho từng **ĐP trước 20/11**



Các Bộ, cơ quan trung ương hoàn thành việc giao dự toán NSNN cho từng cơ quan, đơn vị trực **thuộc trước 31/12**

ĐỊA PHƯƠNG

Căn cứ quyết định của TTGCP, UBND cấp tỉnh trình HĐND cùng cấp quyết định dự toán NSDP, phương án phân bổ dự toán ngân sách cấp tỉnh, mức bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách cấp dưới và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương **trước 10/12**; báo cáo Bộ Tài chính, Bộ KHĐT kết quả.



Căn cứ vào nghị quyết của HĐND, UBND cấp tỉnh quyết định giao dự toán thu, chi ngân sách cho từng cơ quan, đơn vị trực thuộc tỉnh.



Sau khi có quyết định của UBND cấp trên, UBND trình HĐND cùng cấp quyết định dự toán ngân sách và phương án phân bổ ngân sách cấp mình, bảo đảm dự toán ngân sách cấp xã được quyết định **trước 31/12**.



Chậm nhất 05 ngày làm việc, sau khi có Nghị quyết của HĐND, UBND các cấp ở địa phương giao dự toán cho từng cơ quan, đơn vị trực thuộc và UBND cấp dưới đảm bảo hoàn thành **trước 31/12**.

5.5. LẬP LẠI DỰ TOÁN NSNN

(Điều 48 Luật NSNN, Điều 27 NĐ163, khoản 10 Điều 11 TT342)



Trong trường hợp dự toán NSNN, phương án phân bổ NSTW chưa được Quốc hội quyết định, Chính phủ lập lại dự toán NSNN, phương án phân bổ NSTW trình Quốc hội vào thời gian do Quốc hội quyết định.

Đối với NSDP: Trường hợp dự toán NSDP, phương án phân bổ ngân sách cấp mình chưa được HĐND quyết định, UBND lập lại dự toán NSDP, phương án phân bổ ngân sách cấp mình, trình HĐND vào thời gian do HĐND quyết định, nhưng không được chậm hơn thời hạn Chính phủ quy định.

6. THỰC TRẠNG LẬP NGÂN SÁCH

Quy định của Luật NSNN	Hoạt động	Thực tế triển khai
Trước 15/5	Thủ tướng CP ban hành Chỉ thị hướng dẫn xây dựng Kế hoạch phát triển KT-XH và dự toán NSNN	Ban hành muộn - Dự toán năm 2023: Chưa ban hành - Dự toán năm 2022: Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 23/7/2021 - Dự toán năm 2021: Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 29/7/2020 - Dự toán năm 2020: Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 25/6/2019 - Dự toán năm 2019: Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 24/5/2018 - Dự toán năm 2018: Chỉ thị số 29/CT-TTg ngày 05/7/2017
Trước 01/6	Bộ KHĐT ban hành thông tư hướng dẫn về xây dựng Kế hoạch phát triển KT-XH	Thực tế không ban hành Thông tư, chỉ ban hành công văn hướng dẫn. Ví dụ, kế hoạch năm 2021, Bộ KHĐT có Công văn số 4778/BKHĐT-TH ngày 24/7/2020 và 4859/BKHĐT-THQH ngày 30/7/2020 về xây dựng Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2021
	Bộ TC ban hành thông tư hướng dẫn xây dựng dự toán NSNN hàng năm và kế hoạch tài chính NSNN 3 năm	Ban hành muộn DT năm 2023: Đến ngày 06/7/2022 chưa ban hành DT năm 2022: Thông tư số 61/2021/TT-BTC ngày 26/7/2021 DT năm 2021: Thông tư số 71/2020/TT-BTC ngày 30/7/2020 DT năm 2020: Thông tư số 38/2019/TT-BTC ngày 28/6/2019 DT năm 2019: Thông tư số 54/2018/TT-BTC ngày 08/6/2018
Trước 15/6	UBND các tỉnh ban hành hướng dẫn đánh giá KHPTKTXH năm hiện hành và dự kiến KHPTKTXH năm kế hoạch	Hà Nội ban hành công văn số 3360/KH&ĐT-THQH ngày 30/7/2021 về xây dựng KHPTKTXH năm 2022
	Các cơ quan TW, UBND tỉnh hướng dẫn xây dựng dự toán và thông báo số kiểm tra dự toán thu, chi NS năm sau	Do các khâu trên muộn nên các địa phương cũng ban hành hướng dẫn muộn. Ví dụ như: Thái Bình ban hành công văn số 1906/STC-QLNS ngày 17/8/2021 về hướng dẫn xây dựng dự toán NSNN năm 2022, Kế hoạch tài chính ngân sách 3 năm 2022-2024

6. THỰC TRẠNG QUYẾT ĐỊNH VÀ GIAO DỰ TOÁN NGÂN SÁCH (Tiếp)

Quy định của Luật NSNN	Hoạt động	Thực tế triển khai
Trước 20/11	Thủ tướng CP giao dự toán NS	Giao chậm - Năm 2022: Quyết định số <u>2047/QĐ-TTg</u> ngày 03/12/2021 - Năm 2021: Quyết định số 1950/QĐ-TTg 2020 ngày 28/11/2020 - Năm 2020: Quyết định số 1704/QĐ-TTg 2020 ngày 29/11/2019 - Năm 2018: Quyết định số 1916/QĐ-TTg 2020 ngày 29/11/2017
Trước 10/12	HĐND tỉnh quyết định dự toán NSDP	Cơ bản đảm bảo thời hạn quy định - Cà Mau (2022): Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 04/12/2021 - Bình Phước (2022): Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 - Lâm Đồng (2022): Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 - Kiên Giang (2022): Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 - Bình Thuận (2022): Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 08/12/2021

6. SO SÁNH DỰ TOÁN ĐỊA PHƯƠNG CÓ SỐ THU CAO NHẤT VÀ THẤP NHẤT

Đvt: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	TP HỒ CHÍ MINH	TỈNH BẮC KẠN	So sánh TP.HCM và Bắc Kạn (lần)
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	364.893.000	723.200	504,5
B	TỔNG NGUỒN THU NSDP	82.129.064	5.754.471	4
1	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	69.092.340	625.600	110
-	Thu NSDP hưởng 100%	33.522.000	267.950	125
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	35.570.340	357.650	99
2	Thu bổ sung từ NSTW	4.281.675	5.096.884	1
-	Thu bổ sung cân đối		2.915.252	
-	Thu bổ sung có mục tiêu	4.281.675	1.890.841	2
3	Thu từ quỹ dự trữ tài chính			
4	Thu kết dư			
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	8.755.049	31.987	274

7. NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG XÂY DỰNG KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN NSNN

Công tác hướng dẫn và chuẩn bị lập kế hoạch, xây dựng dự toán **chậm** ảnh hưởng tới việc xây dựng dự toán

- TTgCP ban hành chỉ thị chậm.
- Bộ TC ban hành thông tư hướng dẫn chậm.

Có nội dung chưa thực hiện theo quy định pháp luật

- Bộ KHĐT không ban hành thông tư hướng dẫn, chỉ ban hành văn bản hướng dẫn nên tính pháp lý thấp

Có nội dung không quy định nhưng trong triển khai có thực thực hiện

- Báo cáo tình hình NSNN năm hiện hành và dự toán NSNN năm kế hoạch sau khi trình CP trình, Ban Cán sự Đảng Chính phủ xem xét thông qua sẽ được trình Bộ Chính trị trước khi trình cơ quan Quốc hội để xem xét, thông qua.

7. NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG XÂY DỰNG KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN NSNN (tiếp)

Thời gian xây dựng dự toán NSNN ở các cấp bị ngắn lại

- Do khâu chuẩn bị và hướng dẫn xây dựng dự toán ban hành muộn. Bên cạnh đó, trong quá trình thảo luận dự toán ngân sách, phương án phân bổ ngân sách, cơ quan tài chính có quyền yêu cầu bố trí lại những khoản thu, chi trong dự toán chưa đúng quy định của pháp luật, chưa đúng chế độ, tiêu chuẩn, chưa hợp lý, chưa tiết kiệm, chưa phù hợp với khả năng ngân sách và định hướng phát triển KT-XH. Trường hợp còn ý kiến khác nhau giữa cơ quan tài chính với các cơ quan, đơn vị cùng cấp và UBND cấp dưới, thì cơ quan tài chính ở địa phương báo cáo UBND cùng cấp quyết định; Bộ Tài chính báo cáo TTgCP quyết định. Điều này lại kéo dài thêm thời gian dự toán NS.

Chất lượng dự toán NSNN bị ảnh hưởng ngoài các nguyên nhân về thời gian, năng lực trình độ cán bộ tham gia xây dựng dự toán, khả năng đánh giá, dự báo tình hình và các chỉ tiêu KTVM năm kế hoạch...

CHẤT LƯỢNG DỰ TOÁN NSNN

Tỷ lệ quyết toán/dự toán một số thu NSNN giai đoạn 2017-2021 (%)

STT	NỘI DUNG	2017	2018	2019	2020
	TỔNG THU NSNN	106,7	108,5	110,1	98,2
1	Thuế giá trị gia tăng	91,7	101,1	99,7	93,1
2	Thuế tiêu thụ đặc biệt	93,7	107,2	133,2	91,9
3	Thuế bảo vệ môi trường	98,7	97,2	92,4	90,5
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp	93,2	118,1	114,2	101,8
5	Thuế thu nhập cá nhân	97,3	97,4	96,7	89,5
6	Thuế tài nguyên	127,9	206,6	177,2	135,6
7	Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu	93,4	92,1	94,4	74,2
8	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	142,9	143,8	127,2	116,3

7. NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG XÂY DỰNG KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN NSNN (Tiếp)

Thẩm quyền quyết định dự toán NSNN bị chồng chéo do đặc thù tính lồng ghép của NSNN Việt Nam

- NSNN bao gồm NSTW và NSĐP. Trong NSĐP gồm NS cấp tỉnh, NS cấp huyện và NS cấp xã

Sự tham gia của người dân vào quy trình xây dựng dự toán ngân sách bị hạn chế

- Theo khảo sát của IBP (international budget partnership- các đối tác ngân sách quốc tế) về chỉ số công khai ngân sách IBO được công bố hàng năm, chỉ số minh bạch của Việt Nam đã được cải thiện từ mức 14/100 điểm năm 2010 lên mức 44/100 điểm năm 2021. Tuy nhiên, chỉ số này vẫn thấp hơn mức trung bình 45/100 điểm của 120 nước được khảo sát, so sánh với một số nước Đông Nam Á được khảo sát, Việt Nam chỉ cao hơn Campuchia và Myanmar, còn lại thấp hơn Indonesia, philippines, Thái Lan, Đông Timor, Malaysia.

TRÂN TRỌNG CẢM ƠN!